

Dự thảo ngày 29/8/2025**TỜ TRÌNH****Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ về dự án Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân (sau đây gọi là dự án Nghị quyết) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Ngày 22/11/2012, Quốc hội thông qua Luật số 26/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) số 04/2007/QH12, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013. Tại khoản 4 Điều 1 Luật Thuế TNCN số 26/2012/QH13 quy định: "*Trường hợp chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20% so với thời điểm Luật có hiệu lực thi hành hoặc thời điểm điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh gần nhất thì Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản này phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo*".

Ngày 02/6/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) đã ban hành Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh (GTGC) của thuế TNCN, theo đó: Mức giảm trừ đối với người nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm); Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020.

Tại Nghị quyết số 1326/NQ-UBTVQH15 ngày 23/12/2024 của UBTVQH về chương trình công tác của UBTVQH năm 2025 thì dự kiến UBTVQH sẽ xem xét, thông qua Nghị quyết về điều chỉnh mức GTGC của thuế TNCN tại Phiên họp thứ 50 (tháng 10/2025) của UBTVQH.

Theo đó, kể từ thời điểm năm 2020, trường hợp CPI biến động trên 20% thì Chính phủ trình UBTVQH điều chỉnh mức GTGC quy định tại khoản này phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo.

2. Cơ sở thực tiễn

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (nay là Cục Thống kê) công bố thì

chỉ số CPI năm 2020 tăng 3,23%, CPI năm 2021 tăng 1,84%, CPI năm 2022 tăng 3,15%, CPI năm 2023 tăng 3,25% và CPI năm 2024 tăng 3,63%.

Theo Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên, trong đó tại khoản b Điều 1 điều chỉnh chỉ tiêu "Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5 - 5%".

Theo đó, với mức biến động CPI năm 2025 dự kiến từ 4,5-5% thì biến động chỉ số CPI từ 2020 đến hết 2025 theo tính toán của Cục Thống kê sẽ vượt 20% (khoảng 21,24%)¹.

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật số 26/2012/QH13 nêu trên, cần thiết phải nghiên cứu điều chỉnh mức GTGC của thuế TNCN.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành

- Đảm bảo thực hiện kịp thời quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật số 26/2012/QH13.

- Đảm bảo thu nhập thực tế cho người nộp thuế phù hợp với biến động của giá cả từ thời điểm năm 2020.

- Việc điều chỉnh mức GTGC sẽ đảm bảo chính sách động viên một cách hợp lý, công bằng, góp phần nâng cao đời sống của người nộp thuế, tạo động lực khuyến khích lao động, đồng thời, kích thích tăng mức chi tiêu hộ gia đình, tăng tiêu dùng của xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Thực hiện đúng quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật số 26/2012/QH13.

- Phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, sự biến động của giá cả từ thời điểm điều chỉnh mức GTGC gần nhất (năm 2020) đến thời điểm điều chỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15, Luật Thuế TNCN và Chương trình công tác của UBTVQH năm 2025, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương... xây dựng hồ sơ Nghị quyết của UBTVQH về điều chỉnh mức GTGC của thuế TNCN như sau:

- Ngày 17/7/2025, Bộ Tài chính đã có công văn số 10898/BTC-CST lấy ý kiến các các Đoàn đại biểu Quốc hội, các Bộ, ngành, địa phương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trong đó có 06 Bộ phải lấy ý kiến theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm: Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Công An, Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ.

¹ Việc tính toán chỉ số CPI cộng lũy kế quy về kỳ gốc năm 2020.

Đồng thời đã đăng tải toàn bộ dự thảo Hồ sơ Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân, các cá nhân, tổ chức liên quan.

- Đến ngày 20/8/2025, Bộ Tài chính đã nhận được **49** văn bản tham gia ý kiến.

- Bộ Tài chính đã thực hiện giải trình, tiếp thu đầy đủ các ý kiến tham gia và hoàn chỉnh hồ sơ gửi xin ý kiến thẩm định Bộ Tư pháp.

- Ngày 18/8/2025, Bộ Tư pháp đã có ý kiến thẩm định số 12345/BTC-PLDS. Bộ Tài chính đã tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ.

...

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định về điều chỉnh mức GTGC của thuế TNCN.

- Đối tượng áp dụng:

+ Người nộp thuế là các cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền công, tiền lương theo quy định.

+ Tổ chức, cá nhân trả thu nhập.

+ Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến chính sách thuế TNCN đối với mức GTGC.

2. Bố cục của Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 2 Điều:

- Điều 1: Điều chỉnh mức GTGC của thuế thu nhập cá nhân.

- Điều 2: Hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

3.1. Về việc điều chỉnh mức GTGC của thuế TNCN

a) Quy định về việc điều chỉnh mức GTGC tại Luật Thuế TNCN

Theo quy định của Luật Thuế TNCN hiện hành, thu nhập tính thuế được trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc², các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo theo quy định³... số còn lại được trừ mức GTGC cho người nộp thuế và cho người phụ thuộc trước khi tính thuế TNCN.

Luật Thuế TNCN (áp dụng từ 01/01/2009) quy định mức giảm trừ đối với người nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng (48 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 1,6 triệu đồng/tháng. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN số 26/2012/QH13 (áp dụng từ 01/7/2013) quy định mức

² Quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Thuế TNCN (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Luật số 26/2012/QH13).

³ Quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Thuế TNCN.

giảm trừ đối với người nộp thuế là 9 triệu đồng/tháng (108 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 3,6 triệu đồng/tháng. Đồng thời bổ sung quy định: Trường hợp chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20% so với thời điểm Luật có hiệu lực thi hành hoặc thời điểm điều chỉnh mức GTGC gần nhất thì Chính phủ trình UBNDTVQH điều chỉnh mức GTGC quy định tại khoản này phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo⁴.

Ngày 02/6/2020 UBNDTVQH đã ban hành Nghị quyết số 954/2020/UBNDTVQH14 về điều chỉnh mức GTGC của thuế TNCN (áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020). Theo đó, nâng mức giảm trừ đối với người nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng. Việc điều chỉnh nâng mức GTGC của thuế TNCN đã góp phần giảm bớt nghĩa vụ cho người nộp thuế. Với mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng và cho mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng như hiện nay thì người có thu nhập từ tiền lương, tiền công ở mức 17 triệu đồng/tháng (nếu có 1 người phụ thuộc) hay mức 22 triệu đồng/tháng (nếu có 2 người phụ thuộc) sau khi trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... thì hiện nay cũng chưa phải nộp thuế TNCN.

Luật Thuế TNCN quy định về giảm trừ cho bản thân người nộp thuế, giảm trừ cho người phụ thuộc mà người nộp thuế phải nuôi dưỡng. Quy định này thể hiện nguyên tắc "công bằng" và "khả năng nộp thuế", có tính đến đặc thù, hoàn cảnh của người nộp thuế: người có thu nhập cao hơn thì nộp thuế nhiều hơn, người có thu nhập như nhau nhưng có hoàn cảnh khó khăn, nhiều người phụ thuộc hơn thì nộp thuế ít hơn, người có thu nhập thấp chưa phải nộp thuế.

Về bản chất, quy định về giảm trừ trước khi tính thuế đảm bảo nguyên tắc cá nhân cần phải có một mức thu nhập nhất định nhằm đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của cuộc sống như: ăn, ở, đi lại, học tập, khám chữa bệnh..., vì thế, thu nhập trên ngưỡng này mới phải nộp thuế. Việc áp dụng các khoản giảm trừ còn hướng tới mục tiêu loại trừ những người có thu nhập thấp ra khỏi diện phải nộp thuế TNCN.

b) Kinh nghiệm của các nước

Qua nghiên cứu kinh nghiệm các nước cho thấy, hầu hết pháp luật về thuế TNCN của các nước có quy định về mức GTGC theo các hình thức và cách thức khác nhau. Về phân loại, khoản giảm trừ TNCN của các nước áp dụng được chia thành ba nhóm sau: (i) giảm trừ chung cho cá nhân người nộp thuế; (ii) các khoản giảm trừ cho người phụ thuộc, như giảm trừ cho con, cho vợ hoặc chồng, cho bố, mẹ...; và (iii) các khoản giảm trừ có tính chất đặc thù (ví dụ, giảm trừ cho chi phí y tế, giáo dục...). Cụ thể như sau:

- Các khoản giảm trừ chung: Đây là khoản được loại trừ ra khỏi thu nhập tính thuế, không xem xét đến "hành vi" sử dụng thu nhập của cá nhân người nộp thuế (khác với các khoản giảm trừ đặc thù trình bày dưới đây). Lý do áp dụng

⁴ Quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Thuế TNCN (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật Thuế TNCN số 26/2012/QH13)

các khoản giảm trừ chung thường xuất phát từ quan điểm cho rằng mỗi cá nhân cần phải có một mức thu nhập nhất định nhằm đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, vì thế thu nhập đến ngưỡng này nên được miễn thuế. Việc áp dụng các khoản giảm trừ chung ở nhiều nước còn hướng tới mục tiêu loại trừ những người có thu nhập thấp ra khỏi diện phải nộp thuế TNCN. Qua đó, giảm bớt gánh nặng cho cơ quan thuế trong việc quản lý, quyết toán thuế, nhất là khi số thuế thu được từ những người có thu nhập dưới ngưỡng thường chiếm tỷ trọng nhỏ, trong khi vẫn phải chi phí quản lý thu đối những người này. Do nhu cầu sống của các cá nhân người nộp thuế rất khác nhau (nhu cầu tiêu dùng khác nhau, đặc điểm tiêu dùng của mỗi vùng mỗi khác...), kinh nghiệm các nước cũng cho thấy việc đưa ra mức giảm trừ bao giờ cũng là vấn đề thường có nhiều ý kiến khác nhau.

- Các khoản giảm trừ cho người phụ thuộc: Là các khoản giảm trừ áp dụng cho những người mà người nộp thuế phải nuôi dưỡng (người phụ thuộc). Tuy nhiên, phạm vi người phụ thuộc của các nước cũng có sự khác biệt và có các tiêu chí khác nhau. Mức giảm trừ quy định cho người phụ thuộc thường được quy định thấp hơn so với mức giảm trừ cho cá nhân người nộp thuế. Một số nước có khống chế số lượng người phụ thuộc được tính giảm trừ (như Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a...), song cũng có nhiều nước không khống chế (như Mỹ, Anh). Cũng có nước không quy định riêng mức giảm trừ cho người phụ thuộc và cho cá nhân người nộp thuế mà quy định một mức chung (như Trung Quốc...).

- Các khoản giảm trừ đặc thù: Đây là các khoản giảm trừ mà người nộp thuế được hưởng khi đáp ứng được một số tiêu chí nhất định, ví dụ như chi tiêu cho các khoản mục mà nhà nước cần khuyến khích (ví dụ cho y tế, giáo dục...). Theo đó, phạm vi các khoản giảm trừ này cũng rất đa dạng. Có quốc gia cho phép giảm trừ các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... để khuyến khích người dân tham gia các dịch vụ này; có quốc gia cho phép giảm trừ chi phí giáo dục của con hoặc là có quốc gia cho phép giảm trừ đối với các khoản lãi tiền vay mua nhà trả góp (để khuyến khích người dân sở hữu nhà) hay là các khoản đóng góp từ thiện.

Phương thức quy định về mức GTGC cho người nộp thuế cũng rất khác nhau giữa các quốc gia. Có quốc gia quy định một mức cứng tương tự như Việt Nam (như Trung Quốc, Ác-hen-ti-na...), nhưng có quốc gia quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) thu nhập và khống chế mức giảm trừ tối đa (như Thái Lan, Hàn Quốc...). Quy mô của các khoản giảm trừ được các nước thiết kế chủ yếu dựa vào quan điểm của từng nước trong chính sách động viên về thuế TNCN và thường không dựa vào một công thức cụ thể nào. Hầu hết các quốc gia xác định mức giảm trừ bản thân người nộp thuế ở mức tương đương từ 0,6 đến 1,5 lần thu nhập bình quân đầu người; nếu tính thêm giảm trừ cho người phụ thuộc thì mức GTGC thường tương đương khoảng từ 1 đến 2 lần thu nhập bình quân đầu người.

Ngoài ra, đối với các nước đang phát triển, qua tham khảo về những thay đổi chính sách thuế TNCN ở các nước này trong thời gian qua cho thấy tần suất điều chỉnh các khoản giảm trừ ít thường xuyên hơn so với các nước phát triển. Luật Thuế các nước này nhìn chung cũng không quy định cứng tần suất bao lâu sẽ thực hiện điều chỉnh nên thực tế thường được ổn định trong một thời gian nhất định.

Việc thực hiện chính sách thuế TNCN có vai trò rất quan trọng để triển khai chính sách phân phối lại, đảm bảo công bằng xã hội. Cùng với các nguồn thu khác, nguồn thu từ thuế TNCN đã được sử dụng để đáp ứng rất nhiều các nhu cầu chi cho đầu tư phát triển, an ninh quốc phòng, đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo. Việc áp dụng các khoản GTGC cần đảm bảo phù hợp với hoàn cảnh sống của người nộp thuế đặt trong bối cảnh kinh tế - xã hội, mức sống và thu nhập bình quân của người lao động.

c) Phương án đề xuất

Tại khoản 4 Điều 1 Luật Thuế TNCN số 26/2012/QH13 quy định: *"Trường hợp chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20% so với thời điểm Luật có hiệu lực thi hành hoặc thời điểm điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh gần nhất thì Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản này phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo"*.

Theo tính toán, đến hết năm 2025, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) đã biến động trên 20% so với thời điểm điều chỉnh mức GTGC gần nhất (năm 2020) là 21,24% (theo Bảng số liệu tại Phụ lục 1 trình kèm), vì vậy đảm bảo cơ sở pháp lý của việc điều chỉnh mức GTGC.

Việc điều chỉnh mức GTGC cần phù hợp với biến động của giá cả, theo đó, ngoài chỉ số giá tiêu dùng (CPI) là chỉ số phản ánh sự biến động chung của giá cả thì có các yếu tố khác cũng tác động tới giá cả như thu nhập bình quân đầu người, GDP bình quân, mức chi tiêu bình quân đầu người trong một giai đoạn nhất định...

Đối với nước ta, mức GTGC hiện hành được áp dụng từ năm 2020 đến nay nên cần thiết phải rà soát, đánh giá lại để đề điều chỉnh cho phù hợp. Theo đó, tại hồ sơ kèm công văn lấy ý kiến số 10898/BTC-CST ngày 17/7/2025, Bộ Tài chính đề xuất 02 phương án điều chỉnh mức GTGC như sau:

*** Phương án 1: Điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh theo tốc độ tăng CPI**

Theo số liệu của Cục Thống kê thì trong giai đoạn từ năm 2020 đến hết năm 2025, chỉ số CPI lũy kế dự kiến biến động **21,24%**, do đó, có thể xem xét đề điều chỉnh tương ứng với mức tăng của chỉ số CPI, cụ thể như sau:

- Mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế từ **11** triệu đồng/tháng lên khoảng **13,3** triệu đồng/tháng (tăng khoảng 21,24% so với mức hiện hành).
- Mức giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc tăng từ **4,4** triệu đồng/tháng lên

5,3 triệu đồng/tháng (tăng khoảng 21,24% so với mức hiện hành).

***Phương án 2: Điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh theo tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người và tốc độ tăng GDP bình quân đầu người**

Theo số liệu của Cục Thống kê thì biến động về thu nhập bình quân đầu người và GDP bình quân đầu người từ năm 2020 đến nay khoảng 40-42%, do đó, căn cứ theo tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người và GDP bình quân đầu người năm 2025 so với năm 2020 nêu trên thì mức GTGC có thể điều chỉnh như sau:

- Mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế từ **11 triệu đồng/tháng** lên khoảng **15,5 triệu/tháng** (tăng khoảng 40,9 % so với mức hiện hành).
- Mức giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc tăng từ **4,4 triệu đồng/tháng** lên khoảng **6,2 triệu đồng/tháng** (tăng khoảng 40,9 % so với mức hiện hành).

d) Đánh giá tác động

(i) Phương án 1: Điều chỉnh mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế là **13,3 triệu đồng/tháng** và giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc là **5,3 triệu đồng/tháng**.

- Tác động đối với người nộp thuế

Theo tính toán, với mức điều chỉnh này thì:

Trường hợp cá nhân không có người phụ thuộc

- Nếu một người có thu nhập tiền lương, **tiền công 14 triệu đồng/tháng**, khi trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... thì người này không phải nộp thuế TNCN vì: Bảo hiểm bắt buộc 10,5% (8% bảo hiểm xã hội + 1,5% bảo hiểm y tế + 1% bảo hiểm thất nghiệp) là 1,47 triệu đồng (14 triệu đồng x 10,5%), mức giảm trừ gia cảnh cho bản thân là 13,3 triệu, tổng cộng là 14,77 triệu đồng. **Do đó cá nhân có thu nhập 14 triệu đồng/tháng không phải nộp thuế TNCN.**

- Nếu một người có thu nhập tiền lương, **tiền công 15 triệu đồng/tháng**, khi trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... thì người này không phải nộp thuế TNCN vì: Bảo hiểm bắt buộc 10,5% (8% bảo hiểm xã hội + 1,5% bảo hiểm y tế + 1% bảo hiểm thất nghiệp) là 1,575 triệu đồng (15 triệu đồng x 10,5%), mức giảm trừ gia cảnh cho bản thân là 13,3 triệu, tổng cộng là 14,875 triệu đồng. Như vậy, số thuế phải nộp là $(15 - 14,875) \times 5\% = 6,25$ nghìn đồng. **Do đó cá nhân có thu nhập 15 triệu đồng/tháng chỉ phải nộp thuế 6,25 nghìn đồng (chiếm 0,04% tổng số thu nhập).**

- Nếu một người có thu nhập từ tiền lương, tiền công là 20 triệu, trừ 10,5% bảo hiểm là 2,1 triệu, mức giảm trừ gia cảnh là 13,3 triệu, thì phải nộp thuế lag $(20 \text{ triệu} - 2,1 \text{ triệu} - 13,3 \text{ triệu}) \times 5\% = 230$ nghìn đồng/tháng (số tiền thuế rất nhỏ, chỉ chiếm khoảng 1,15% tổng số thu nhập).

Trường hợp cá nhân có 1 người phụ thuộc:

+ Nếu một người có thu nhập tiền lương, tiền công **20 triệu đồng/tháng**, khi trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... thì người này không phải nộp thuế TNCN vì: Bảo hiểm bắt buộc 10,5% (8% bảo hiểm xã hội + 1,5% bảo hiểm y tế + 1% bảo hiểm thất nghiệp) là 2,1 triệu đồng (20 triệu đồng x 10,5%), mức giảm trừ gia cảnh là 18,6 triệu đồng (13,3 triệu cho bản thân + 5,3 triệu cho người phụ thuộc), tổng cộng là 20,7 triệu đồng. Do đó nếu cá nhân có thu nhập **20 triệu đồng/tháng không phải nộp thuế TNCN**.

+ Nếu thu nhập 25 triệu, trừ 10,5% bảo hiểm là 2,625 triệu, mức giảm trừ gia cảnh là 18,6 triệu, thì phải nộp thuế là $(25 \text{ triệu} - 2,625 \text{ triệu} - 18,6 \text{ triệu}) \times 5\% = \mathbf{188,750 \text{ nghìn đồng/tháng}}$ (số tiền thuế rất nhỏ, chỉ chiếm khoảng 0,755% tổng thu nhập của cá nhân).

Do đó một cá nhân có thu nhập **25 triệu đồng/tháng** thì cũng chỉ nộp thuế **188,750 nghìn đồng/tháng**. Trường hợp có các khoản phụ cấp, trợ cấp, tham gia bảo hiểm hưu trí tự nguyện,... được trừ trước khi tính thuế nữa thì số thuế phải nộp còn thấp hơn (hoặc không phải nộp).

Trường hợp cá nhân có 2 người phụ thuộc:

+ Nếu một người có thu nhập tiền lương, tiền công **25 triệu đồng/tháng**, nếu trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... thì người này không phải nộp thuế TNCN vì: trừ 10,5% bảo hiểm là 2,625 triệu, mức giảm trừ gia cảnh là 23,9 triệu đồng (cho bản thân là 13,3 triệu đồng và 02 người phụ thuộc 5,3 triệu đồng x2), thì tổng cộng số tiền bảo hiểm và giảm trừ gia cảnh được trừ là 26,525 triệu đồng > 25 triệu đồng, **do đó, cá nhân không phải nộp thuế TNCN**.

+ Nếu thu nhập **30 triệu đồng/tháng**, nộp bảo hiểm bắt buộc (10,5%) là 3,15 triệu đồng, giảm trừ gia cảnh cho bản thân người nộp thuế và cho 2 người phụ thuộc là 23,9 triệu đồng thì số thuế phải nộp là: $[30 - (3,15 + 23,9)] \times 5\% = 2,95 \times 5\% = \mathbf{147,5 \text{ nghìn đồng/tháng}}$ (số tiền thuế rất nhỏ, chỉ chiếm khoảng 0,49% tổng thu nhập của cá nhân).

+ Nếu thu nhập **35 triệu đồng/tháng**, nộp bảo hiểm bắt buộc là 3,675 triệu đồng, giảm trừ gia cảnh cho 2 người (giảm trừ 23,9 triệu đồng), do vậy thu nhập tính thuế là $35 - 3,675 - 23,9 = 7,425$ triệu đồng/tháng. Mức thuế sẽ nộp là: **Bậc 1** (5 triệu đồng x 5%) là 250 nghìn đồng, **bậc 2** $[(7,425 - 5) \times 10\%]$ làm tròn là 242,5 nghìn đồng. Tổng tiền thuế phải nộp là **492,5 nghìn đồng/tháng**.

Do đó một cá nhân có thu nhập **35 triệu đồng/tháng** thì cũng chỉ nộp thuế **492,5 nghìn đồng/tháng** (tỷ lệ thuế TNCN trên tổng thu nhập khoảng 1,4%). Trường hợp có các khoản phụ cấp, trợ cấp, tham gia bảo hiểm hưu trí tự nguyện,... được trừ trước khi tính thuế nữa thì số thuế phải nộp còn thấp hơn.

Tác động đối với NSNN

Trên cơ sở dữ liệu quyết toán thuế TNCN năm 2024 trên hệ thống thuế tại thời điểm tháng 7/2025, tác động thu NSNN trong các phương án điều chỉnh mức GTGC như sau:

Khi áp dụng theo mức dự kiến là **13,3 triệu đồng/tháng** cho bản thân

người nộp thuế và **5,3 triệu đồng/tháng** cho mỗi người phụ thuộc thì một phần lớn số người nộp thuế ở bậc 1 sẽ chuyển sang diện không phải nộp thuế và những cá nhân ở các bậc thuế còn lại đều được giảm số thuế TNCN phải nộp. Qua đó dự kiến số thu NSNN thuế TNCN là khoảng **93.425 tỷ đồng**, giảm **khoảng 12.000 tỷ đồng/năm** so mức thu theo quy định hiện hành. Số người còn phải nộp thuế là khoảng **2,97 triệu người**, giảm **1,42 triệu người (giảm 32,35%)** (chuyển từ bậc 1 sang diện không chịu thuế) so với mức GTGC hiện hành.

(ii) Phương án 2: Điều chỉnh mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế là **15,5 triệu đồng/tháng** và giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc là **6,2 triệu đồng/tháng**.

- *Tác động đối với người nộp thuế*

Theo tính toán, với mức điều chỉnh này thì:

Trường hợp cá nhân không có người phụ thuộc

- Nếu một người có thu nhập tiền lương, tiền công **15 triệu đồng/tháng**, khi trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... thì **người này không phải nộp thuế TNCN** vì: Bảo hiểm bắt buộc 10,5% (8% bảo hiểm xã hội + 1,5% bảo hiểm y tế + 1% bảo hiểm thất nghiệp) là 1,575 triệu đồng (15 triệu đồng x 10,5%), mức giảm trừ gia cảnh cho bản thân là 15,5 triệu, tổng cộng là 17,075 triệu đồng. Do đó không phải nộp thuế TNCN.

- Nếu thu nhập 20 triệu, trừ 10,5% bảo hiểm là 2,1 triệu, mức giảm trừ gia cảnh là 13,3 triệu, thì phải nộp thuế lag $(20 \text{ triệu} - 2,1 \text{ triệu} - 15,5 \text{ triệu}) \times 5\% = \mathbf{120 \text{ nghìn đồng/tháng}}$ (số tiền thuế rất nhỏ, chỉ chiếm khoảng 0,6% tổng số thu nhập).

Trường hợp cá nhân có 1 người phụ thuộc:

+ Nếu một người có thu nhập tiền lương, tiền công **25 triệu đồng/tháng**, nếu trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... thì người này không phải nộp thuế TNCN vì: Bảo hiểm bắt buộc 10,5% (8% bảo hiểm xã hội + 1,5% bảo hiểm y tế + 1% bảo hiểm thất nghiệp) là 2,625 triệu đồng (25 triệu đồng x 10,5%), mức giảm trừ gia cảnh là 21,7 triệu đồng (15,5 triệu cho bản thân + 6,2 triệu cho người phụ thuộc), tổng cộng là 24,325 triệu đồng. Do đó chỉ phải nộp thuế TNCN là $(25 - 24,325) = 0,675 \text{ triệu đồng} \times 5\% = \mathbf{bằng 33,75 \text{ nghìn đồng}}$.

+ Nếu thu nhập **30 triệu đồng/tháng**, trừ 10,5% bảo hiểm là 3,15 triệu, mức giảm trừ gia cảnh là 21,7 triệu, thì thu nhập tính thuế là: $30 - 3,15 - 21,7 = 5,15 \text{ triệu đồng}$. Mức thuế sẽ nộp là: Bậc 1 ($5,15 \text{ triệu} \times 5\%$) là 250 nghìn đồng, bậc 2 $[(5,15 - 5) \times 10\%]$ là 15 nghìn đồng. Tổng tiền thuế phải nộp là $250 + 15 = \mathbf{265 \text{ nghìn đồng/tháng}}$ (số tiền thuế rất nhỏ, chỉ chiếm khoảng 0,88% tổng thu nhập của cá nhân).

Do đó một cá nhân có thu nhập **30 triệu đồng/tháng** thì cũng chỉ nộp thuế **265 nghìn đồng/tháng**. Trường hợp có các khoản phụ cấp, trợ cấp, tham

gia bảo hiểm hưu trí tự nguyện,... được trừ trước khi tính thuế nữa thì số thuế phải nộp còn thấp hơn (hoặc không phải nộp).

Trường hợp cá nhân có 2 người phụ thuộc:

+ Nếu một người có thu nhập tiền lương, tiền công **30 triệu đồng/tháng**, nếu trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... thì người này không phải nộp thuế TNCN vì: Bảo hiểm bắt buộc 10,5% (8% bảo hiểm xã hội + 1,5% bảo hiểm y tế + 1% bảo hiểm thất nghiệp) là 3,15 triệu đồng ($30 \text{ triệu đồng} \times 10,5\%$), mức giảm trừ gia cảnh là 27,9 triệu đồng (02 người phụ thuộc), tổng cộng là 31,05 triệu đồng. Do đó, **cá nhân có thu nhập 30 triệu đồng/tháng thì không phải nộp thuế TNCN.**

+ Nếu thu nhập **40 triệu đồng/tháng**, nộp bảo hiểm bắt buộc là 4,2 triệu đồng, giảm trừ gia cảnh cho 2 người phụ thuộc là 27,9 triệu đồng, do vậy thu nhập tính thuế là $40 - 4,2 - 27,9 = 7,9$ triệu đồng/tháng. Mức thuế sẽ nộp là: Bậc 1 ($5 \text{ triệu đồng} \times 5\%$) là 250 nghìn đồng, bậc 2 [$(7,9 - 5) \times 10\%$] là 290 nghìn đồng. Tổng tiền thuế phải nộp là **540 nghìn đồng/tháng.**

Do đó một cá nhân có thu nhập **40 triệu đồng/tháng thì cũng chỉ nộp thuế 540 nghìn đồng/tháng** (tỷ lệ thuế TNCN trên tổng thu nhập khoảng 1,35%). Trường hợp có các khoản phụ cấp, trợ cấp, tham gia bảo hiểm hưu trí tự nguyện,... được trừ trước khi tính thuế nữa thì số thuế phải nộp còn thấp hơn.

- Tác động đối với NSNN

Trên cơ sở dữ liệu quyết toán thuế TNCN năm 2024 trên hệ thống thuế khai thác tại thời điểm tháng 7/2025, tác động thu NSNN trong các phương án điều chỉnh mức GTGC như sau:

Khi áp dụng theo mức dự kiến là **15,5 triệu đồng/tháng** cho bản thân người nộp thuế và **6,2 triệu đồng/tháng** cho mỗi người phụ thuộc thì hầu hết số người nộp thuế ở bậc 1 sẽ chuyển sang diện không phải nộp thuế (khoảng trên 95% người nộp thuế ở bậc 1), một phần cá nhân nộp thuế ở bậc 2 chuyển sang diện không phải nộp thuế hoặc chuyển xuống nộp thuế ở bậc 1. Tương tự những cá nhân ở các bậc thuế còn lại đều được giảm số thuế TNCN phải nộp. Qua đó dự kiến số thu NSNN thuế TNCN là khoảng **84.477 tỷ đồng**, giảm **khoảng 21.000 tỷ đồng/năm** so mức thu theo quy định hiện hành. Số người còn phải nộp thuế là khoảng **2,21 triệu người**, giảm **2,18 triệu người (giảm 49,66%)** (chuyển từ bậc 1 sang diện không chịu thuế) so với mức GTGC hiện hành.

Việc điều chỉnh nâng mức GTGC cho người nộp thuế theo các phương án nêu trên sẽ góp phần giảm bớt khó khăn cho người nộp thuế trong bối cảnh giá cả, lạm phát tăng so với thời điểm năm 2020. Số thuế phải nộp sẽ được giảm cho mọi người nộp thuế, trong đó tỷ lệ giảm số thuế phải nộp của nhóm người nộp thuế ở bậc thuế thấp sẽ nhiều hơn so với những người nộp thuế ở bậc thuế cao. Cụ thể tại 02 Bảng số liệu tại Phụ lục 2 trình kèm.

Nếu áp dụng mức giảm trừ gia cảnh mới cao hơn mức GTGC hiện hành thì toàn bộ người nộp thuế hiện nay tại các bậc thuế (cùng với số lượng người

phụ thuộc đã đăng ký GTGC) sẽ giảm đi số thuế TNCN phải nộp. Cá nhân càng có nhiều người phụ thuộc thì số thuế giảm càng nhiều.

Việc điều chỉnh mức GTGC theo tốc độ tăng GPD bình quân đầu người và thu nhập bình quân đầu người sẽ góp phần giảm nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế ở mức cao hơn, người dân được hưởng thành quả phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đời sống xã hội được nâng lên. Với mức giảm trừ dự kiến, những người có thu nhập thấp hơn sẽ được hưởng lợi nhiều hơn. Tuy nhiên, việc điều chỉnh tăng mức GTGC sẽ có tác động làm giảm thu NSNN từ thuế TNCN trong một số năm đầu. Tuy nhiên, khi mức GTGC cao hơn, đồng nghĩa với số thuế phải nộp ít đi, thu nhập khả dụng của người dân sẽ tăng lên, qua đó, sẽ góp phần kích thích tăng chi tiêu hộ gia đình, tiêu dùng xã hội góp phần phát triển sản xuất kinh doanh, qua đó có thể gián tiếp làm tăng thu NSNN từ các nguồn thu khác trong trung và dài hạn.

Nhằm bù đắp số hụt thu trước mắt do thực hiện chính sách, Chính phủ tập trung chỉ đạo các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện các giải pháp như sau:

Một là, tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chính sách tài khóa theo các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân, thúc đẩy các động lực tăng trưởng GDP năm 2025 đạt ít nhất 8% và phấn đấu hai con số trong điều kiện thuận lợi hơn, qua đó tạo thêm nguồn thu cho NSNN.

Hai là, quyết liệt trong công tác thu NSNN, tăng cường quản lý, cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý thuế, nhất là trong các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm, thu từ đất, chuyển nhượng bất động sản, hoạt động thương mại điện tử, hoạt động kinh doanh trên nền tảng số.

Ba là, điều hành chi NSNN chặt chẽ, tăng cường tiết kiệm chi; Chủ động sử dụng dự phòng, dự trữ và các nguồn lực hợp pháp khác để chi phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ cấp bách phát sinh theo quy định, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp.

Qua tổng hợp, đa số các ý kiến tham gia đồng tình theo Phương án 2, Bộ Tài chính trình Chính phủ trình UBTVQH điều chỉnh mức GTGC theo Phương án 02 là điều chỉnh mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế từ 11 triệu đồng/tháng lên **15,5** triệu/tháng; Mức giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc tăng từ 4,4 triệu đồng/tháng lên **6,2** triệu đồng/tháng.

3.2. Hiệu lực thi hành

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật số 26/2012/QH13, mức GTGC mới sẽ được thực hiện kể từ khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị quyết

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết do người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế thực hiện, không phát sinh thêm chi phí cho người nộp thuế. Cơ quan quản lý thuế thì thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ nên đã được NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động. Vì vậy, dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị quyết gồm:

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.
- Từ các nguồn lực hợp pháp khác.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Nghị quyết và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Nghị quyết kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể để cơ quan thuế tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Thời gian trình UBTVQH thông qua

Theo Chương trình công tác của UBTVQH năm 2025 tại Nghị quyết số 1326/NQ-UBTVQH15 ngày 23/12/2024 thì dự kiến UBTVQH sẽ xem xét, thông qua Nghị quyết về điều chỉnh mức GTGC của thuế TNCN tại Phiên họp thứ 50 (tháng 10/2025).

Trên đây là Tờ trình dự án Nghị quyết của UBTVQH về điều chỉnh mức GTGC của thuế TNCN.

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin trình kèm: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tổng kết việc thi hành chính sách GTGC của thuế thu nhập cá nhân; Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự án Nghị quyết; Bản đánh giá về thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc; Bản so sánh dự thảo Nghị quyết với quy định hiện hành; Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để biết);
- Lưu: VT, CST (TN).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

Phụ lục 1

Số liệu chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và thu nhập bình quân đầu người (GDP) từ 2020 đến nay

1. Bảng số liệu chỉ số giá tiêu dùng (CPI) từ năm 2020 đến nay

	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Dự báo năm 2025
So với năm trước	3,23%	1,84%	3,15%	3,25%	3,63%	4,5-5%
So với năm gốc	3,23%	5,12%	8,43%	11,96%	16,02%	21,24%

Nguồn: Cục Thống kê - Bộ Tài chính

2. Bảng số liệu chỉ số thu nhập bình quân đầu người từ năm 2020 đến nay

	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Dự báo năm 2025
Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng)	4,2	4,205	4,67	4,96	5,4	5,88
Tốc độ tăng so với năm 2020		0,12%	11,19%	18,1%	28,57%	40%

Nguồn: Cục Thống kê - Bộ Tài chính

3. Bảng số liệu chỉ số tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân đầu người từ năm 2020 đến nay

	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Dự báo năm 2025 ¹
GDP bình quân (USD)	3.521	3.717	4.124	4.282	4.700	5.000
Tốc độ tăng so với năm 2020		5,57%	17,12%	21,61%	33,48%	42%

Nguồn: Cục Thống kê - Bộ Tài chính

¹ Theo Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội thì GDP bình quân đầu người năm 2025 dự kiến trên 5.000 USD

Phụ lục 2
BẢNG SỔ THUẾ TNCN PHẢI NỘP TÍNH THEO
MỨC GTGC HIỆN HÀNH VÀ MỨC GTGC DỰ KIẾN

Bảng 1. Sổ thuế TNCN phải nộp trong trường hợp có 01 người phụ thuộc

Đơn vị tiền: VNĐ

Thu nhập chịu thuế 01 người/tháng	Có 1 người phụ thuộc					
	Mức GTGC hiện hành		Mức GTGC theo PA1		Mức GTGC theo PA2	
	Số thuế	Tỷ lệ thuế/thu nhập	Số thuế	Tỷ lệ thuế/thu nhập	Số thuế	Tỷ lệ thuế/thu nhập
18.000.000	130.000	0,7%	0	0,0%	0	0,0%
20.000.000	230.000	1,2%	70.000	0,4%	0	0,0%
25.000.000	710.000	2,8%	390.000	1,6%	165.000	0,7%
30.000.000	1.440.000	4,8%	960.000	3,2%	580.000	1,9%
35.000.000	2.270.000	6,5%	1.710.000	4,9%	1.245.000	3,6%
40.000.000	3.270.000	8,2%	2.630.000	6,6%	2.010.000	5,0%
45.000.000	4.270.000	9,5%	3.630.000	8,1%	3.010.000	6,7%
50.000.000	5.400.000	10,8%	4.630.000	9,3%	4.010.000	8,0%
60.000.000	7.900.000	13,2%	7.100.000	11,8%	6.325.000	10,5%
70.000.000	10.530.000	15,0%	9.600.000	13,7%	8.825.000	12,6%
80.000.000	13.530.000	16,9%	12.570.000	15,7%	11.640.000	14,6%
90.000.000	16.530.000	18,4%	15.570.000	17,3%	14.640.000	16,3%
100.000.000	19.760.000	19,8%	18.640.000	18,6%	17.640.000	17,6%
120.000.000	26.760.000	22,3%	25.640.000	21,4%	24.555.000	20,5%
150.000.000	37.260.000	24,8%	36.140.000	24,1%	35.055.000	23,4%

Bảng 2. Sổ thuế TNCN phải nộp trong trường hợp có 02 người phụ thuộc

Đơn vị tiền: VNĐ

Thu nhập chịu thuế 01 người/tháng	Có 2 người phụ thuộc					
	Mức GTGC hiện hành		Mức GTGC theo PA1		Mức GTGC theo PA2	
	Số thuế	Tỷ lệ thuế/thu nhập	Số thuế	Tỷ lệ thuế/thu nhập	Số thuế	Tỷ lệ thuế/thu nhập
18.000.000	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
20.000.000	10.000	0,05%	0	0,0%	0	0,0%
25.000.000	270.000	1,1%	55.000	0,2%	0	0,0%
30.000.000	780.000	2,6%	360.000	1,2%	105.000	0,4%
35.000.000	1.530.000	4,4%	915.000	2,6%	460.000	1,3%
40.000.000	2.390.000	6,0%	1.665.000	4,2%	1.065.000	2,7%
45.000.000	3.390.000	7,5%	2.570.000	5,7%	1.815.000	4,0%
50.000.000	4.390.000	8,8%	3.570.000	7,1%	2.770.000	5,5%
60.000.000	6.800.000	11,3%	5.775.000	9,6%	4.775.000	8,0%
70.000.000	9.300.000	13,3%	8.275.000	11,8%	7.275.000	10,4%
80.000.000	12.210.000	15,3%	10.980.000	13,7%	9.780.000	12,2%
90.000.000	15.210.000	16,9%	13.980.000	15,5%	12.780.000	14,2%
100.000.000	18.220.000	18,2%	16.980.000	17,0%	15.780.000	15,8%
120.000.000	25.220.000	21,0%	23.785.000	19,8%	22.385.000	18,7%
150.000.000	35.720.000	23,8%	34.285.000	22,9%	32.885.000	21,9%